

Số: TVHN-64/AGIA

An Giang, ngày 05 tháng 3 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm theo triều, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước biến đổi chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 04/3 xấp xỉ cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-310cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên theo triều, mực nước cao nhất ngày 04/3 cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch biến đổi chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 04/3 phổ biến ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-30cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 04/3 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 47cm, xuống 06cm so với đỉnh triều ngày hôm

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh lên chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước trên các sông, kênh, rạch lên nhanh theo triều trong 5 ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm trong 1-2 ngày đầu, những ngày tiếp theo có khả năng lên nhanh do ảnh hưởng mưa lớn nội vùng.
- + Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm theo triều biển Tây, đến ngày 06/3 có xu thế lên trở lại.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sông, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 06/3/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phan Minh Đạt

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng		So với		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	04/3		03/03		kỳ 2025		TBNN		05/3	06/3	07/3	08/3	09/3
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	139	6	▲	11	▲	27	▲	144	142	140	138	135
					Hmin	-13	6	▲	-1	▼	-28	▼	-8	-10	-14	-16	-19
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	143	7	▲	6	▲	35	▲	148	146	144	142	137
					Hmin	-33	9	▲	-9	▼	-20	▼	-25	-21	-23	-27	-34
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	110	-4	▼	0	◀▶	7	▲	113	111	109	107	104
					Hmin	38	7	▲	6	▲	2	▲	40	38	36	34	31
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	151	7	▲	2	▲	34	▲	155	152	149	146	142
					Hmin	-20	9	▲	-8	▼	-28	▼	-12	-8	-10	-13	-16
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	160	7	▲	6	▲	45	▲	163	161	159	157	152
					Hmin	-27	9	▲	-7	▼	-4	▼	-19	-15	-17	-21	-28
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	149	7	▲	11	▲	34	▲	152	150	148	145	140
					Hmin	-30	7	▲	-5	▼	-26	▼	-22	-18	-20	-24	-31
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	50	-6	▼	13	▲	10	▲	48	46	45	43	41
					Hmin	25	-4	▼	18	▲	9	▲	24	22	20	19	18
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	41	-7	▼	16	▲	12	▲	40	39	38	36	34
					Hmin	36	-3	▼	21	▲	10	▲	34	33	31	30	27
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	47	-6	▼	14	▲	7	▲	46	45	44	42	40
					Hmin	43	-2	▼	17	▲	9	▲	41	40	38	37	34
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	50	-7	▼	15	▲	12	▲	49	48	47	45	43
					Hmin	44	-3	▼	16	▲	11	▲	42	41	39	38	35
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	57	-6	▼	13	▲	12	▲	56	55	54	52	50
					Hmin	52	-1	▼	15	▲	13	▲	50	49	47	46	43
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	54	-6	▼	11	▲	13	▲	52	50	49	47	45
					Hmin	27	-4	▼	12	▲	9	▲	26	24	22	21	20
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	68	-6	▼	14	▲	29	▲	67	66	65	63	61
					Hmin	53	-3	▼	17	▲	24	▲	51	50	48	47	44
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	55	-5	▼	7	▲	11	▲	54	53	52	50	48
					Hmin	49	-2	▼	10	▲	14	▲	47	46	44	43	40
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	40	-6	▼	15	▲	17	▲	39	38	37	35	33
					Hmin	28	-4	▼	14	▲	10	▲	26	25	23	22	19
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	82	-5	▼	11	▲	27	▲	81	83	87	86	84
					Hmin	65	-3	▼	14	▲	25	▲	63	65	69	68	67
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	107	-2	▼	11	▲	31	▲	106	108	109	108	106
					Hmin	59	-2	▼	9	▲	16	▲	57	59	60	59	58

Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	76	-4	▼	7	▲	12	▲	75	77	78	77	75
					Hmin	51	-2	▼	10	▲	7	▲	49	51	53	52	51
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	61	-4	▼	6	▲	7	▲	60	60	62	63	61
					Hmin	50	1	▲	11	▲	10	▲	48	47	48	50	49
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	45	-3	▼	5	▲	8	▲	44	43	44	45	43
					Hmin	37	1	▲	9	▲	17	▲	35	34	36	38	37
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	31	-2	▼	8	▲	-5	▼	29	30	30	31	29
					Hmin	0	7	▲	4	▲	16	▲	1	0	-2	0	2
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	42	-5	▼	-8	▼	-1	▼	37	35	39	45	50
					Hmin	-23	4	▲	16	▲	7	▲	-19	-12	-10	-14	-22

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ ▶ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





